

NGHỊ QUYẾT

**Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng nông nghiệp
thông minh; xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm
gắn với xây dựng thương hiệu các sản phẩm đặc trưng
trên địa bàn huyện Lạc Dương đến năm 2025**

**I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO,
ỨNG DỤNG NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH, XÂY DỰNG CÁC CHUỖI
LIÊN KẾT SẢN XUẤT GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương về đất đai và khí hậu, giai đoạn 2015 - 2020 các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn huyện tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách về đầu tư phát triển ngành nông nghiệp, trọng tâm là phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng nông nghiệp thông minh và xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản của địa phương. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 đạt 18,8%/năm. Tính đến năm 2020, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện ước đạt khoảng 2.092 ha, chiếm trên 26,6% tổng diện tích canh tác và đóng góp trên 30% giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp với giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích đạt khoảng 300 triệu đồng/ha/năm¹. Ngành chăn nuôi mặc dù không phải là thế mạnh nhưng vẫn có bước tăng trưởng khá².

Việc phát triển các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông sản gắn với xây dựng các sản phẩm đặc trưng của địa phương thường xuyên được quan tâm đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường và nâng cao thu nhập cho người dân. Đến năm 2020, toàn huyện đã xây dựng được 05 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản, cụ thể: Công ty ACOM liên kết sản xuất cà phê tại xã Đưng K'Nó (quy mô 110 hộ dân/80 ha); Công ty cổ phần dược Lâm Đồng liên kết sản xuất Atiso (quy mô 184 hộ dân/27 ha); Công ty TNHH Vĩnh Tiến liên kết sản xuất Atiso (quy mô 40 hộ dân/04 ha);

¹ Toàn huyện có 922,2 ha sản xuất trong nhà kính; 30 doanh nghiệp, 15 hợp tác xã đầu tư hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, trong đó có 4 doanh nghiệp được UBND tỉnh công nhận doanh nghiệp công nghệ cao; 03 doanh nghiệp trồng rau thủy canh; 02 doanh nghiệp sản xuất theo tiêu chuẩn Organic; 01 doanh nghiệp liên kết sản xuất nấm hương với quy mô 33 nhà trồng nấm/22 hộ dân đã áp dụng ứng dụng công nghệ thông minh đơn giản (*hệ thống cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, tự động làm mát nhà nấm*). 100% diện tích sản xuất rau, hoa của người dân đã áp dụng cơ giới hóa trong khâu làm đất, và hệ thống tưới, tiêu chủ động.

² Hàng năm, duy trì tổng đàn gia súc trên 10.500 con (Khoảng 2.000 con trâu, 4.800 con bò và 3.700 con heo); đàn gia cầm trên 23.000 con và 16 ha nuôi cá nước lạnh với sản lượng trên 1.000 tấn/năm.

Công ty Cổ phần Nguyên Long liên kết sản xuất nấm hương (quy mô 22 hộ dân/33 nhà nấm); Công ty Cổ phần Chuối Việt liên kết sản xuất chuối Laba tại xã Đưng K'Nớ (quy mô 78 hộ/18,8 ha); xây dựng được 11 sản phẩm đặc trưng của huyện và được công nhận đạt tiêu chuẩn mỗi làng xã 01 sản phẩm (OCOP)³.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế, khó khăn như: Nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao còn ít so với các nguồn lực hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong khi đó định mức đầu tư cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lại tương đối cao, khó nhân rộng đối với các hộ dân còn gặp khó khăn; công tác quy hoạch, kiểm soát hoạt động xây dựng nhà kính, nhà lưới, san ủi, cải tạo mặt bằng, giải quyết vấn đề môi trường sinh thái để phát triển nông nghiệp có mặt còn khó khăn, bất cập; liên kết sản xuất hầu hết quy mô còn nhỏ, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ; một số loại sản phẩm nông sản đặc trưng của địa phương chưa được khai thác triệt để, phần lớn chỉ dừng lại ở việc sơ chế và tiêu thụ, chưa phát triển được nhiều sản phẩm chế biến sâu và đa dạng hóa sản phẩm thương mại; quy mô chăn nuôi còn nhỏ lẻ manh mún...

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, ỨNG DỤNG NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH, XÂY DỰNG CÁC CHUỖI LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẮN VỚI XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CÁC SẢN PHẨM ĐẶC TRƯNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, trong đó tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng nông nghiệp thông minh, xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu các sản phẩm đặc trưng trên địa bàn huyện Lạc Dương; thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng nông nghiệp thông minh và việc bảo vệ môi trường, đảm bảo đồng bộ hóa, minh bạch hóa từ khâu sản xuất đến tiêu thụ nông sản, góp phần đưa kinh tế huyện Lạc Dương phát triển nhanh và toàn diện, trở thành huyện khá của tỉnh vào năm 2025.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Giá trị sản xuất bình quân trên một đơn vị diện tích đạt 380 triệu đồng/ha/năm.
- Có thêm 20 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP và 03 nhãn hiệu chứng nhận (*Nấm hương Langbiang, Hoa hồng Langbiang, Chuối Laba Lạc Dương*).

³ 07 sản phẩm đạt 4 sao (Phúc bồn tử Organic (6 sản phẩm), cà phê Arabica (01 sản phẩm), 4 sản phẩm đạt 3 sao (rau thủy canh; nấm hương tươi; nấm hương ăn liền; cà phê Arabica vàng).

- Có 50 doanh nghiệp và 20 hợp tác xã đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có 10 doanh nghiệp được chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII, Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng chính phủ và Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Đồng thời, tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực phát triển nông nghiệp tại địa phương, đơn vị.

2.2 Rà soát lại quy hoạch phát triển nông nghiệp

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương. Tổ chức quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất tập trung; quy hoạch khu chế biến nông sản gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông, quy hoạch cụm xã, đảm bảo phù hợp với quy hoạch của tỉnh. Quan tâm xây dựng các chương trình, đề án về đầu tư nghiên cứu, phát triển các cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch làm cơ sở xây dựng các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với quy hoạch và đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

- Tổ chức rà soát lại quy hoạch phù hợp với điều kiện sản xuất và trình độ canh tác của người dân. Hình thành các khu vực sản xuất tập trung có quy mô lớn và đồng bộ về kết cấu hạ tầng cũng như ứng dụng khoa học công nghệ vào thâm canh, sản xuất, đảm bảo mang tính chiến lược, lâu dài, phù hợp với địa hình, giảm thiểu đến mức tối đa các rủi ro do biến đổi khí hậu và thiên tai gây ra.

2.3 Tổ chức cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện của từng địa phương theo đúng định hướng của tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT; ưu tiên phát triển diện tích sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương nhằm tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với việc tìm đầu ra ổn định và từng bước hình thành các thương hiệu sản phẩm đặc trưng. Tiếp tục xác định cây cà phê vẫn là cây trồng chủ lực nhằm duy trì ổn định diện tích cà phê để thâm canh tăng năng suất, ổn định đầu ra, đồng thời đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu cà phê Arabica Langbiang. Tăng cường trồng cây che bóng trong vườn cà phê bằng các loại cây ăn quả như hồng, mắc

ca...; khảo nghiệm đưa một số giống cây trồng có giá trị kinh tế và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương để đa dạng hóa cây trồng, tăng thu nhập cho người dân.

- Hình thành các chuỗi liên kết theo sản phẩm đặc trưng của từng địa phương. Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường, góp phần ổn định đầu ra cho sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

2.4. Xác định rõ các sản phẩm chủ lực đặc trưng

- Xác định, phát triển các sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, mang tính đặc trưng, lợi thế của từng địa phương để thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Thường xuyên tổ chức các hoạt động trưng bày, quảng bá sản phẩm đặc trưng trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại Trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm đặc trưng của huyện Lạc Dương.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo hướng gia tăng lợi ích cho cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

- Phối hợp, khai thác, sử dụng và quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” và các sản phẩm đặc trưng của địa phương như cà phê Arabica Langbiang, hoa hồng Langbiang, nấm hương Langbiang, Atiso, chuối Laba... để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất chế biến nông sản như VietGAP, GlobalGAP, UTZ... đảm bảo chất lượng nông sản gắn với thương hiệu sản phẩm đặc trưng.

- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong toàn bộ các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

2.5. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Xây dựng, đầu tư, hoàn thiện 03 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa bàn thị trấn Lạc Dương, xã Đa Sar và xã Đa Nhim;

- Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng hợp lý, ưu tiên phát triển cây dược liệu (Atiso, đẳng sâm, sâm Ngọc Linh) đạt khoảng 170 ha và cây trồng trong nhà kính như rau, hoa, dâu tây, phúc bồn tử Organic. Phấn đấu đến năm 2025, nâng tổng số diện tích ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao đạt khoảng 3.100 ha, chiếm trên 40% diện tích canh tác, trong đó có khoảng 50 ha áp dụng công nghệ nhà kính hiện đại điều chỉnh ánh sáng của Isarel, Đài Loan...; 10 ha ứng dụng nông nghiệp thông minh; 10 ha trồng rau thủy canh; 140 ha sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ.

- Thực hiện có hiệu quả đề án chăn nuôi gia súc trên địa bàn huyện, đảm bảo an toàn sinh học, tạo ra giá trị thương phẩm. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 4,5% trong tổng cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Xây dựng mạng lưới liên kết sản xuất trong nông nghiệp, phấn đấu mỗi xã có từ 3 đến 5 chuỗi liên kết giá trị, nâng tổng diện tích sản xuất có hợp đồng liên kết ổn định trong nhân dân đạt 1.000 ha.

- Tập trung khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh và huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó tiếp tục xác định lấy doanh nghiệp làm nòng cốt; nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả trong nhân dân để tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, đặc biệt là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sơ chế, bảo quản nông sản sau thu hoạch nhằm gia tăng giá trị và chất lượng nông sản của địa phương.

2.6. Thu hút nguồn lực đầu tư phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Phát triển mạnh mẽ và toàn diện kết cấu hạ tầng, tập trung lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (vốn từ Chương trình MTQG, vốn doanh nghiệp...) để phát triển hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi trên địa huyện; khai thác vận hành hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có; phát triển hệ thống đào ao, hồ nhỏ, khai thác các nguồn nước sẵn có từ sông, suối để tưới tiêu. Phát triển hệ thống lưới điện nhằm đáp ứng yêu cầu cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

- Xây dựng và phát triển cụm công nghiệp tập trung tại tiểu khu 95, 97 xã Đa Nhim với quy mô khoảng 20 ha để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách của tỉnh về đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp đặc biệt là các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển ngành chăn nuôi của địa phương nhằm thu hút các nguồn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên các công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; cũng như các chính sách ưu đãi trong tín dụng tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi từ đó mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất.

2.7. Phát triển mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác

Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển hợp tác xã kiểu mới, đảm bảo hoạt động hiệu quả. Tuyên truyền, vận động các hộ dân có diện tích đất canh tác liền kề tổ chức sản xuất tập trung để thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản; mở rộng liên kết sản xuất giữa người nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác với các doanh nghiệp trong việc hình thành các chuỗi giá trị từ cung cấp giống, đồng bộ về quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng đồng đều, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường, tạo động lực khuyến khích tái đầu tư, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

2.8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch sản xuất nông nghiệp, bảo tồn tài nguyên rừng, đất đai, nước, vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ doanh nghiệp và người dân trong lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở kinh doanh buôn bán vật tư nông nghiệp kém chất lượng.

- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng tốt công tác quản lý nhà nước và đội ngũ lao động có tay nghề cao phục vụ sản xuất nông nghiệp. Triển khai nhiều hình thức đào tạo bồi dưỡng, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, kỹ năng canh tác, kiến thức sản xuất mới cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và cho người nông dân.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết này. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện và định kỳ hàng năm tiến hành sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy để theo dõi, chỉ đạo.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết trong toàn Đảng bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Đ/c Phạm Thị Phúc, UVBTV,
Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND huyện,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc,
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**



Phạm Triều